

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HS-ST
Ngày: 12/01/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Hiếu

Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Phú Hợp

Ông Triệu Q Định

Bà Chu Thị Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Minh Chính – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 368/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 09 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 565/2022/QĐXXST - HS ngày 05 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Tú Q, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Số nhà X, ngõ Y, tập thể Z, cụm 9, xã DT, huyện TT, thành phố Hà Nội; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố là Lê Anh S; Mẹ là Đoàn Thị V; Vợ là Mai Tuyết L; Bị cáo có 02 con; con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 25/02/2019, bị Tòa án nhân dân quận Đống Đa xử phạt 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/11/2019). Bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 23/10/2021; Tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Tú Q: Luật sư Hoàng Ngọc Thanh B - Văn phòng Luật sư ĐS & Cs - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Người bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Hsinh năm 1973. Địa chỉ: Xóm X, thôn AT, xã VC, huyện Hoài Đức, Hà Nội. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị D sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn C, xã SD, huyện HĐ, Hà Nội. Vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị Hoà T sinh năm 1979. Địa chỉ: Số X ngõ Y phố PH, thị trấn P, huyện ĐP, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.
4. Bà Trần Thị M sinh năm 1979. Địa chỉ: Số X, ngõ Y phố PH, thị trấn P, huyện ĐP, Hà Nội. Vắng mặt.
5. Bà Hoàng Thị O sinh năm 1962. Địa chỉ Thôn HM, phường HM, thành phố TS, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.
6. Chị Trần Thị Đ sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn LC, xã YV, huyện GL, Hà Nội. Vắng mặt.
7. Bà Phùng Thị N sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn CM, xã TH, huyện BV, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.
8. Ông Kiều Tiến S sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn YH, xã HT, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.
9. Bà Vũ Thị P sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn Y, xã CX, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.
10. Bà Lê Thị K sinh năm 1959. Địa chỉ: B5/12, tổ X, ngõ Y, phố SĐ, phường SĐ, quận LB, Hà Nội. Vắng mặt.
11. Chị Ngô Thị N sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn ĐH, xã HL, huyện YM, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.
12. Bà Vũ Thị Hải Y sinh năm 1961. Địa chỉ: Tổ X, phường PH, thành phố LC, tỉnh Lào Cai. Có mặt.
13. Bà Nguyễn Thị Thái H sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ dân phố T5, phường XD, quận BTL, Hà Nội. Vắng mặt.
14. Ông Đinh Văn V sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn PV, xã PD, huyện PX, Hà Nội. Có mặt.
15. Bà Nguyễn Thị L sinh năm 1964. Địa chỉ: Số nhà X; Tiểu khu Y, thị trấn NB, huyện YD, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.
16. Bà Nguyễn Thị Thu H sinh năm 1958. Địa chỉ Phòng X Tòa Y Khu đô thị VK, phường LK, quận HĐ, thành phố Hà Nội. Có mặt.
17. Bà Nguyễn Thị K sinh năm 1965. Địa chỉ: Số nhà X TVO, phường NVC, thành phố QN, Bình Định. Vắng mặt.
18. Anh Phan Tất T sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn CĐ, phường VN, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.
19. Bà Cao Thị Kim L sinh năm 1964. Địa chỉ: Phố VG, thị trấn ĐN, huyện MĐ, Hà Nội. Có mặt.
20. Ông Đinh Công H sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn PV, xã PD, huyện PX, Hà Nội. Vắng mặt.
21. Anh Trịnh Văn D sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn X, xã ĐH, huyện KB, Hà Nam. Có mặt.
22. Ông Hoàng Văn H sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn NS, xã LT, huyện TT, Hà Nội. Vắng mặt.
23. Bà Chu Thị C sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ X, phường TL, thành phố TN,

Thái Nguyên. Có mặt.

24. Bà Phạm Thị T sinh năm 1975. Địa chỉ: Số X, ngõ Y, đường KDT, phường NC, quận TX, Hà Nội. Vắng mặt.

25. Anh Hoàng Đình T sinh năm 1994. Địa chỉ: Số X ngõ Y KĐ, quận TX, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

26. Bà Trần Thị Bích L sinh năm 1973. Địa chỉ: X – VO, xã ĐT, huyện GL, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

27. Anh Vũ Minh H sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ X, Tập thể xí nghiệp kiến trúc CTY, phường NTS, quận ĐĐ, Hà Nội. Vắng mặt.

28. Anh Nguyễn Trung C sinh năm 1991. Địa chỉ: Phòng X chung cư Ecohome Y, phường ĐN, quận BTL, thành phố Hà Nội; Có mặt.

29. Anh Lê Chí C sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn GC, xã PL, huyện SD, Tuyên Quang. Vắng mặt.

30. Anh Vũ Sơn D sinh năm 1986. Thôn GC, xã PL, huyện SD, Tuyên Quang. Vắng mặt.

31. Bà Bùi Thị Kim P sinh năm 1962 Tổ dân phố ĐC, xã YV, huyện GL, Hà Nội. Có mặt.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị M sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn AT, xã VC, huyện HĐ, Hà Nội. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Đình H sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn HV, xã LL, huyện TT, Hà Nội. Có mặt.

3. Chị Mai Tuyết L sinh năm 1993. Địa chỉ: Cụm X, xã DT, huyện TT, Hà Nội. Có mặt.

4. Chị Bạch Hà P sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn ĐD, xã PT, huyện LT, Hoà Bình. Vắng mặt.

5. Anh Đặng Văn Đ sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn KC, xã TL, huyện TT, Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Tú Q là đối tượng không nghề nghiệp, có tiền án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do có ý định chiếm đoạt tiền của những người có nhu cầu vay tiền của các tổ chức tín dụng nên Q đã đưa ra những thông tin gian dối, tự giới thiệu là nhân viên ngân hàng, có khả năng làm các thủ tục vay vốn ngân hàng mà không cần thế chấp, chỉ trả 05% giá trị gói vay. Mặt khác, Q còn giới thiệu bản thân có quen biết với nhiều lãnh đạo trong các ngân hàng, có thể làm được thẻ vay tiêu dùng sử dụng trong thời gian 45 ngày không tính lãi suất, không cần thế chấp, chỉ phải trả tiền phí làm thẻ từ 02% đến 05% giá trị của gói vay và Q yêu cầu các bị hại chuyển trước tiền phí làm thẻ. Sau khi nhận được tiền phí làm thẻ từ các bị

hại, Q lấy nhiều lý do để kéo dài thời gian và đưa ra các thông tin sai sự thật như: Đang chờ lãnh đạo xét duyệt, sắp được vay tiền và yêu cầu bị hại chuyển thêm tiền để đặt mua, thuê máy POS rút tiền. Sau đó, Q tắt máy điện thoại, chặn tài khoản Zalo để các bị hại không liên lạc được. Bằng phương thức, thủ đoạn nêu trên, quá trình điều tra xác định Lê Tú Q đã chiếm đoạt số tiền 630.433.000 đồng của 31 bị hại, cụ thể như sau:

Khoảng đầu năm 2020, thông qua các mối quan hệ xã hội, Q có quan hệ quen biết với Phạm Thị M. Quá trình trao đổi trực tiếp, Q biết M đang có nhu cầu vay vốn ngân hàng nên đã giới thiệu với M hiện đang là nhân viên của ngân hàng, Q có khả năng giúp được M làm các thủ tục vay vốn ngân hàng không cần thế chấp, chỉ trả 05% giá trị gói vay, trong thời gian từ 10 đến 30 ngày thì sẽ được ngân hàng sẽ giải ngân. Sau khi trao đổi, M tin tưởng nên nhờ Q đứng ra làm thủ tục cấp thẻ vay tiêu dùng cho M và giới thiệu 04 người gồm bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1973), bà Nguyễn Thị D (sinh năm 1959), chị Phạm Thị Hòa Tích (sinh năm 1979) và chị Trần Thị M (sinh năm 1982) cho Q trực tiếp trao đổi để làm thẻ. Khoảng tháng 5/2020, do Q không làm được thẻ vay tiêu dùng cho M nên Q nói cho M biết là Q đã bị đuổi việc, không còn là nhân viên ngân hàng. Lúc này, Q nói với M là có quan hệ quen biết với nhiều lãnh đạo ngân hàng, Q sẽ tiếp tục đứng ra giúp M và những người do M giới thiệu để làm được thẻ vay tiêu dùng. Sau khi trao đổi, M đồng ý giúp Q đứng ra nhận tiền của người có nhu cầu làm thẻ vay tiêu dùng và tìm thêm 05 người có nhu cầu làm thẻ chuyển lại cho Q, gồm: Bà Hoàng Thị O (sinh năm 1962), chị Trần Thị Đ (sinh năm 1980), bà Phùng Thị N (sinh năm 1974), anh Kiều Tiến S (sinh năm 1983) và chị Vũ Thị P (sinh năm 1975).

Khi tìm được những người có nhu cầu làm thẻ vay tiêu dùng, theo hướng dẫn của Q, M giới thiệu với các bị hại Q là nhân viên Ngân hàng, có khả năng làm được thẻ tiêu dùng thủ tục đơn giản, không tính lãi suất trong thời hạn 45 ngày. Sau khi giới thiệu, M cung cấp số điện thoại 0325981348 của Q cho chị H, bà D, chị T, chị M, bà O, chị Đ, chị N, anh S và chị P để trực tiếp liên hệ nhờ Q làm thẻ tiêu dùng. Sau khi trao đổi qua điện thoại, Q yêu cầu chị H, bà D, chị T, chị M, bà O, chị Đ, chị N và anh S chuyển trước tiền phí làm thẻ đến 04 số tài khoản do gồm tài khoản số 0491000085704, mở tại ngân hàng Vietcombank; tài khoản số 14162947 mở tại ngân hàng ACB; tài khoản số 19029901361028 và số 19029901361036 mở tại ngân hàng Techcombank đều mang tên Phạm Thị M và tài khoản số 19034921135011 mang tên Nguyễn Đình Hoan mở tại ngân hàng Techcombank do Q quản lý. Trong thời gian từ tháng 02/2020 đến tháng 11/2020, cả 04 số tài khoản trên của M đã nhận tổng số tiền phí làm thẻ là 138.960.000 đồng, tương ứng với 49 giao dịch chuyển tiền (Bảng kê số 1), cụ thể:

Vụ thứ nhất: Từ ngày 23/3/2020 đến ngày 11/5/2020, bà Nguyễn Thị H đã 04 lần chuyển với tổng số tiền là 6.800.000 đồng đến tài khoản số 0491000085704 mang tên Phạm Thị M tại ngân hàng Vietcombank.

Hiện chị Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường số tiền 6.800.000 đồng.

Vụ thứ hai: Từ ngày 07/4/2020 đến ngày 21/4/2020, chị Phạm Thị Hòa T đã 03 lần chuyển số tiền là 15.040.000 đồng đến tài khoản số 0491000085704 mang tên Phạm Thị M tại ngân hàng Vietcombank. Sau khi không làm được thẻ, M đã trả lại cho chị Tích 8.000.000 đồng.

Hiện chị Phạm Thị Hoà T yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường số tiền 7.040.000 đồng.

Vụ thứ ba: Trong thời gian từ ngày 11/4/2020 đến ngày 06/11/2020, bà Nguyễn Thị D đã 18 lần chuyển với tổng số tiền là 38.800.000 đồng đến tài khoản số 0491000085704 mở tại ngân hàng Vietcombank, tài khoản số 14162947 mở tại ngân hàng ACB, tài khoản số 19029901361028 mở tại ngân hàng Techcombank đều mang tên Phạm Thị M. Ngoài ra, bà Dậu còn khai đã đưa trực tiếp cho M số tiền là 41.000.000 đồng để chuyển cho Q làm thẻ. Ngoài số tiền đưa làm thẻ; đồng thời còn cho M vay số tiền 126.700.000 đồng.

Hiện bà Nguyễn Thị D yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường số tiền là 79.800.000 đồng.

Vụ thứ tư: Trong thời gian từ ngày 12/4/2020 đến ngày 07/7/2020, chị Trần Thị M đã 03 lần chuyển tổng số tiền là 10.600.000 đồng đến tài khoản số 0491000085704 mang tên Phạm Thị M mở tại ngân hàng Vietcombank.

Hiện chị Trần Thị M yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường số tiền là 10.600.000 đồng.

Vụ thứ năm: Ngày 13/7/2020, anh Kiều Tiến S đã chuyển số tiền 7.000.000 đồng đến tài khoản số 19029901361028 mang tên Phạm Thị M tại ngân hàng Techcombank.

Hiện anh Kiều Tiến S yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường số tiền là 7.000.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Từ ngày 02/8/2020 đến ngày 09/11/2020, bà Hoàng Thị O đã 12 lần chuyển tiền, với tổng số tiền là 34.370.000 đồng đến tài khoản số 14162947 tại ngân hàng ACB và tài khoản số 19029901361036 tại ngân hàng Techcombank đều mang tên Phạm Thị M. Sau khi không làm được thẻ, M đã trả lại cho bà Oanh số tiền 20.000.000 đồng.

Hiện bà Hoàng Thị O yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường số tiền là 14.370.000 đồng.

Vụ thứ bảy: Trong thời gian từ ngày 21/8/2020 đến ngày 06/10/2020, chị Trần Thị Đ đã 05 lần chuyển tiền, với tổng số tiền là 23.000.000 đồng đến tài khoản số 14162947 mang tên Phạm Thị M tại ngân hàng ACB.

Hiện chị Trần Thị Đ yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường số tiền là 23.000.000 đồng.

Vụ thứ tám: Trong thời gian từ ngày 02/11/2020 đến ngày 13/01/2021, bà Phùng Thị N đã 15 lần chuyển tổng số tiền là 29.862.000 đồng đến các tài khoản

gồm: Tài khoản số 19034921135011 mang tên Nguyễn Đình H và tài khoản số 19029901361036 mở tại ngân hàng Techcombank; tài khoản số 0491000085704 mở tại ngân hàng Vietcombank và tài khoản số 04040945901 mở tại ngân hàng TPBank đều mang tên Phạm Thị M.

Hiện chị Phùng Thị N yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường số tiền là 29.862.000 đồng.

Vụ thứ chín: Ngày 07/01/2021, chị Vũ Thị P đã chuyển số tiền 1.000.000 đồng đến tài khoản số 04040945901 mở tại ngân hàng TPBank mang tên Phạm Thị M và đưa trực tiếp cho M 500.000 đồng để nhờ Q làm thẻ. Sau khi không làm được thẻ, M đã trả lại tiền cho chị Phương. Hiện chị Vũ Thị P không yêu cầu gì về dân sự.

Sau mỗi lần nhận tiền, M đều chuyển lại toàn bộ số tiền đã nhận của những người bị hại do M giới thiệu đến các tài khoản bao gồm: Tài khoản số 19032621392018 mang tên Mai Tuyết L, tài khoản số 19035765906015 mang tên Tạ Huy Hùng và tài khoản số 19034921135011 mang tên Nguyễn Đình H, đều mở tại ngân hàng Techcombank theo yêu cầu của Q, cụ thể:

- Ngày 17/3/2020, 21/3/2020 và 23/3/2020, tài khoản số 0491000085704 mở tại ngân hàng Vietcombank của M đã chuyển số tiền phí làm thẻ là 9.500.000 đồng đến tài khoản số 19032621392018 mang tên Mai Tuyết L mở tại ngân hàng Techcombank do Q trực tiếp quản lý tiền (Bảng kê số 2).

- Trong thời gian từ ngày 07/4/2020 đến ngày 22/6/2020, tài khoản số 0491000085704 mở tại ngân hàng Vietcombank của M đã chuyển tổng số tiền phí làm thẻ là 92.840.000 đồng, tương ứng với 17 giao dịch chuyển tiền đến tài khoản số 19035765906015 mang tên Tạ Huy Hùng mở tại ngân hàng Techcombank theo yêu cầu của Q (Bảng kê số 2).

- Trong thời gian từ 07/9/2020 đến 23/11/2020, M đã chuyển tổng số tiền 87.780.000 đồng, tương ứng với 31 giao dịch từ các tài khoản số 14162947 mở tại ngân hàng ACB; tài khoản số 0491000085704 mở tại ngân hàng Vietcombank và tài khoản số 19029901361036 mở tại ngân hàng Techcombank của M đến tài khoản số 19034921135011 mang tên Nguyễn Đình H mở tại ngân hàng Techcombank do Q trực tiếp quản lý (Bảng kê số 3).

Đến khoảng đầu tháng 10/2020, Q tiếp tục đưa ra các thông tin không đúng sự thật, Q nói với M có người quen tên là Nguyễn Đình Hoan - là nhân viên ngân hàng đứng ra giúp M làm thẻ vay tiêu dùng nhưng thực tế Q giả danh là Nguyễn Đình Hoan để giao dịch. Q cung cấp cho M số điện thoại 0983868624 và đăng ký tài khoản zalo mang tên Nguyễn Đình Hoan do Q quản lý. Sau khi trao đổi, M tin tưởng nên đã nhờ Hoan (tức Q) đứng ra làm thẻ vay tiêu dùng cho M và tiếp tục giới thiệu chị Phùng Thị N và bà Bùi Thị Kim P (sinh năm 1962) trực tiếp trao đổi qua tài khoản zalo mang tên Nguyễn Đình Hoan để nhờ làm thẻ tiêu dùng. Để các bị hại tin tưởng, Q sử dụng tài khoản số 19034921135011 mang tên Nguyễn Đình H mở tại ngân hàng Techcombank, đăng ký dịch vụ internet banking với số

điện thoại 0983868624 do Q mượn của bạn là Nguyễn Đình Hoan và tài khoản số 04040945901 mang tên Phạm Thị M mở tại ngân hàng TPBank, đăng ký dịch vụ internet banking với số điện thoại 0325981348 do Q nhờ M đứng ra mở tài khoản để Q nhận tiền phí làm thẻ.

Sau khi được M giới thiệu và cung cấp cho số điện thoại 0983868624 của Nguyễn Đình H, bà P tiếp tục giới thiệu cho 04 người gồm: Bà Lê Thị K (sinh năm 1959), chị Ngô Thị N (sinh năm 1985), bà Vũ Thị Hải Y (sinh năm 1961) và bà Nguyễn Thị Thái H (sinh năm 1962) để nhờ làm thẻ vay tiêu dùng. Sau đó, bà Kha giới thiệu cho 05 người khác gồm ông Đinh Văn V (sinh năm 1960), bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1964), bà Nguyễn Thị Thu H (sinh năm 1958), bà Nguyễn Thị K (sinh năm 1965) và anh Phan Tất T (sinh năm 1982) để trao đổi với Hoan làm thẻ. Sau đó, ông Đinh Văn V tiếp tục giới thiệu bà Cao Thị Kim L (sinh năm 1964), anh Đinh Công H (sinh năm 1972) và anh Trịnh Văn D (sinh năm 1980). Bà Nguyễn Thị L giới thiệu ông Hoàng Văn H (sinh năm 1960). Bà Vũ Thị Hải Y giới thiệu bà Chu Thị C (sinh năm 1972), bà Phạm Thị T (sinh năm 1975) và anh Hoàng Đình T (sinh năm 1994). Chị Ngô Thị N giới thiệu bà Trần Thị Bích L (sinh năm 1973) để trao đổi với Q qua tài khoản zalo mang tên Nguyễn Đình H để nhờ làm thẻ.

Sau khi trao đổi với Q, các bị hại đồng ý với các gói vay do Q giới thiệu cùng mức phí làm thẻ tiêu dùng. Q đã yêu cầu các bị hại chuyển trước tiền phí làm thẻ vào 02 tài khoản Ngân hàng do Q trực tiếp quản lý gồm: Tài khoản số 19034921135011 mang tên Nguyễn Đình H mở tại ngân hàng Techcombank, tài khoản số 04040945901 mang tên Phạm Thị M, mở tại ngân hàng TPBank và 05 tài khoản do Q mượn để nhận tiền gồm: Tài khoản số 19032621392026 mang tên Mai Tuyết L mở tại ngân hàng Techcombank, tài khoản số 1012744632 mang tên Nguyễn Văn Lộc mở tại ngân hàng Vietcombank, tài khoản số 0310109081988 mang tên Bạch Hà P mở tại ngân hàng Mbbank, tài khoản số 19035765906015 mang tên Tạ Huy H mở tại ngân hàng Techcombank và tài khoản số 2891000121093 mang tên Đặng Văn Đ mở tại ngân hàng BIDV.

Trong thời gian từ khoảng tháng 10/2020 đến tháng 3/2021, với phương thức thủ đoạn như trên, Lê Tú Q đã tiếp tục chiếm đoạt tiền của 22 người bị hại nêu trên với tổng số tiền là 399.921.000 đồng, tương ứng với 105 giao dịch chuyển tiền đến các tài khoản theo yêu cầu của Q (có bảng kê chi tiết kèm theo- Bảng 4), cụ thể:

Vụ thứ 10: Từ ngày 10/11/2020 đến ngày 30/12/2020, bà Vũ Thị Hải Y đã 10 lần chuyển tổng số tiền là 22.540.000 đồng đến tài khoản số 19034921135011 mang tên Nguyễn Đình H mở tại ngân hàng Techcombank.

Hiện bà Vũ Thị Hải Y yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường số tiền là 22.540.000 đồng.

Vụ thứ 11: Từ ngày 19/11/2020 đến ngày 28/01/2021, bà Chu Thị C đã 13 lần chuyển tổng số tiền 23.981.000 đồng đến tài khoản số 19034921135011 mang

tên Nguyễn Đình H mở tại ngân hàng Techcombank, tài khoản số 04040945901 mang tên Phạm Thị M mở tại ngân hàng TPBank và tài khoản số 0310109081988 mang tên Bạch Hà P mở tại ngân hàng MBbank.

Hiện bà Chu Thị C yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền là 23.981.000 đồng

Vụ thứ 12: Từ ngày 19/11/2020 đến ngày 07/01/2021, bà Nguyễn Thị Thái H đã 04 lần chuyển tổng số tiền 10.800.000 đồng đến tài khoản số 19034921135011 mang tên Nguyễn Đình H mở tại ngân hàng Techcombank.

Hiện bà Nguyễn Thị Thái H yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền là 10.800.000 đồng.

Vụ thứ 13: Từ ngày 23/11/2020 đến ngày 06/01/2021, bà Bùi Thị Kim P đã 04 lần chuyển tổng số tiền là 3.890.000 đồng đến tài khoản số 19034921135011 mang tên Nguyễn Đình H mở tại ngân hàng Techcombank, tài khoản số 1012744632 mang tên Nguyễn Văn Lộc mở tại ngân hàng Vietcombank. Ngoài số tiền chuyển khoản thì bà Phương khai còn chuyển trực tiếp cho Q số tiền 2.060.000 đồng.

Hiện bà Bùi Thị Kim P yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền là 5.950.000 đồng.

Vụ thứ 14: Từ ngày 05/12/2020 đến ngày 11/3/2021, chị Ngô Thị N đã 16 lần chuyển tổng số tiền 57.480.000 đồng đến các tài khoản bao gồm: Tài khoản số 04040945901 mở tại ngân hàng TPBank mang tên Phạm Thị M, tài khoản số 0310109081988 mang tên Bạch Hà P mở tại ngân hàng Mbbank, tài khoản số 1012744632 mang tên Nguyễn Văn Lộc mở tại ngân hàng Vietcombank và tài khoản số 19032621392026 mang tên Mai Tuyết L mở tại ngân hàng Techcombank.

Hiện chị Ngô Thị N yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền là 57.480.000 đồng.

Vụ thứ 15: Trong thời gian từ ngày 13/01/2021 đến ngày 21/01/2021, bà Lê Thị K đã 04 lần chuyển tổng số tiền là 12.800.000 đồng đến tài khoản số 04040945901 mang tên Phạm Thị M mở tại ngân hàng TPBank, tài khoản số 1012744632 mang tên Nguyễn Văn Lộc mở tại ngân hàng Vietcombank. Ngoài ra, bà Kha khai còn đưa trực tiếp cho Q 1.000.000 đồng.

Hiện bà Lê Thị K yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường số tiền là 13.800.000 đồng.

Vụ thứ 16: Từ ngày 13/01/2021 đến ngày 22/01/2021, chị Trần Thị Bích L đã 05 lần chuyển tổng số tiền là 27.150.000 đồng đến tài khoản số 04040945901 mở tại ngân hàng TPBank mang tên Phạm Thị M.

Hiện chị Trần Thị Bích L yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền là 27.150.000 đồng.

Vụ thứ 17: Từ ngày 14/01/2021 đến ngày 27/01/2021, anh Phan Tất T đã 07 lần chuyển tổng số tiền là 54.950.000 đồng đến tài khoản số 04040945901 mang tên Phạm Thị M mở tại ngân hàng TPBank, tài khoản số 1012744632 mang tên Nguyễn Văn Lộc mở tại ngân hàng Vietcombank.

Hiện anh Phan Tất T yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền là 54.950.000 đồng.

Vụ thứ 18: Từ ngày 14/01/2021 đến ngày 27/01/2021, bà Nguyễn Thị Thu H đã 03 lần chuyển tổng số tiền 12.250.000 đồng đến tài khoản số 04040945901 mở tại ngân hàng TPBank mang tên Phạm Thị M.

Hiện bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền là 12.250.000 đồng.

Vụ thứ 19: Từ ngày 14/01/2021 đến ngày 28/01/2021, bà Nguyễn Thị L đã 06 lần chuyển tổng số tiền 15.700.000 đồng đến tài khoản số 04040945901 mang tên Phạm Thị M mở tại ngân hàng TPBank.

Hiện bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền là 15.700.000 đồng.

Vụ thứ 20: Ngày 15/01/2021, bà Nguyễn Thị K đã chuyển số tiền 25.000.000 đồng đến tài khoản số 04040945901 mang tên Phạm Thị M mở tại ngân hàng TPBank.

Hiện bà Nguyễn Thị K yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền là 25.000.000 đồng.

Vụ thứ 21: Từ ngày 17/01/2021 đến ngày 21/01/2021, ông Đinh Văn V đã 02 lần chuyển tổng số tiền là 14.800.000 đồng đến tài khoản số 04040945901 mang tên Phạm Thị M mở tại ngân hàng TPBank và tài khoản số 1012744632 mang tên Nguyễn Văn Lộc mở tại Ngân hàng Vietcombank.

Hiện ông Đinh Văn V yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền là 14.800.000 đồng.

Vụ thứ 22: Ngày 18/01/2021, ông Hoàng Văn H đã chuyển số tiền 4.200.000 đồng đến tài khoản số 04040945901 mang tên Phạm Thị M mở tại ngân hàng TPBank.

Hiện ông Hoàng Văn H yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền là 4.200.000 đồng.

Vụ thứ 23: Ngày 20/01/2021, anh Trịnh Văn D đã chuyển số tiền 5.300.000 đồng đến tài khoản số 04040945901 mang tên Phạm Thị M mở tại ngân hàng TPBank.

Hiện anh Trịnh Văn D yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền là 5.300.000 đồng.

Vụ thứ 24: Ngày 20/01/2021, anh Đinh Công H đã chuyển số tiền 5.300.000 đồng đến tài khoản số 04040945901 mang tên Phạm Thị M mở tại ngân hàng TPBank.

Hiện anh Đinh Công H yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền là 5.300.000 đồng.

Vụ thứ 25: Từ ngày 21/01/2021 đến ngày 26/01/2021, bà Cao Thị Kim L đã 05 lần chuyển tổng số tiền là 17.000.000 đồng đến tài khoản số 04040945901 mang tên Phạm Thị M mở tại ngân hàng TPBank và tài khoản số 1012744632 mang tên Nguyễn Văn Lộc mở tại ngân hàng Vietcombank.

Hiện bà Cao Thị Kim L yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền là 17.000.000

đồng.

Vụ thứ 26: Ngày 28/01/2021, chị Phạm Thị T đã chuyển số tiền 3.500.000 đồng đến tài khoản số 04040945901 mang tên Phạm Thị M mở tại ngân hàng TPBank.

Hiện chị Phạm Thị T yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền là 3.500.000 đồng.

Vụ thứ 27: Từ ngày 28/01/2021 đến ngày 02/02/2021, anh Hoàng Đình T đã 07 lần chuyển tổng số tiền 26.990.000 đồng đến tài khoản số 04040945901 mang tên Phạm Thị M mở tại ngân hàng TPBank và tài khoản số 1012744632 mang tên Nguyễn Văn Lộc mở tại ngân hàng Vietcombank.

Hiện anh Hoàng Đình T yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền là 26.990.000 đồng.

Ngoài những người bị hại nêu trên, Lê Tú Q còn trực tiếp chiếm đoạt tổng số tiền 71.720.000 đồng phí làm thẻ của 03 bị hại gồm:

Vụ thứ 28: Từ ngày 27/4/2020 đến ngày 28/4/2020, anh Vũ Minh H (sinh năm 1986) đã 02 lần chuyển tổng số tiền 9.150.000 đồng đến tài khoản số 19035765906015 mang tên Tạ Huy Hùng mở tại ngân hàng Techcombank. Ngoài số tiền chuyển khoản thì anh Hải khai còn đưa trực tiếp cho Q số tiền 5.000.000 đồng.

Hiện anh Vũ Minh H yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền là 14.150.000 đồng.

Vụ thứ 29: Từ ngày 08/5/2020 đến ngày 12/5/2020, anh Nguyễn Trung C đã 05 lần chuyển tổng số tiền 61.000.000 đồng đến tài khoản số 19035765906015 mang tên Tạ Huy Hùng mở tại ngân hàng Techcombank và tài khoản số 2891000121093 mang tên Đặng Văn Đ mở tại ngân hàng BIDV. Ngoài số tiền chuyển khoản thì anh Công còn đưa trực tiếp cho Q số tiền 7.000.000 đồng.

Hiện anh Nguyễn Trung C yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền là 68.000.000 đồng.

Vụ thứ 30: Từ ngày 09/9/2020 đến ngày 24/9/2020, anh Lê Chí C đã 03 lần chuyển tổng số tiền là 1.570.000 đồng đến tài khoản số 19034921135011 mang tên Nguyễn Đình H mở tại ngân hàng Techcombank.

Hiện anh Lê Chí C yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền là 1.570.000 đồng.

Vụ thứ 31: Tháng 3/2021 anh Vũ Sơn D chuyển số tiền 4.000.000 đồng đến 01 tài khoản ngân hàng Techcombank theo yêu cầu của Q (anh Dương không nhớ số tài khoản này).

Hiện anh Vũ Sơn D yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền là 4.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã thu giữ đồ vật, tài sản gồm:

- Thu giữ của bị cáo Lê Tú Q : 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen đã qua sử dụng, số Imei 1 là 866045038509491, số Imei 2 là 866045038509483; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đỏ - tím đã qua sử dụng, có số Imei 1 là 862449042349270, số Imei 2 là 862449042349262.

- Thu giữ của Phạm Thị M 01 quyển sổ ghi chép A6 màu xanh đã qua sử

dụng (đã kiểm tra không phát hiện thông tin liên quan); 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh, số Imei 1 là 354874104561816, số Imei 2 là 354875104561813 đã qua sử dụng.

- Thu giữ của Nguyễn Đình H 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A025 màu đen đã qua sử dụng, số Imei 352845142302571 (đã kiểm tra không phát hiện thông tin liên quan); 01 căn cước công dân số 001093023801 và 01 thẻ visa ngân hàng MBbank số 4089041050604834 đều mang tên Nguyễn Đình H.

Đối với Phạm Thị M, kết quả điều tra xác định M có nhu cầu vay vốn ngân hàng, thông qua các mối quan hệ xã hội nên M quen biết với Lê Tú Q, Q giới thiệu với M, Q là cán bộ ngân hàng, có thể giúp M làm hồ sơ vay vốn ngân hàng. M không biết Lê Tú Q giả danh là nhân viên ngân hàng, không biết Q giả danh Nguyễn Đình Hoan để nhờ M đứng ra giới thiệu, nhận tiền phí làm thẻ của bị hại và mở tài khoản ngân hàng. Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2020 đến 10/2020, do tin tưởng Q nên M đã đứng ra giới thiệu và nhận tổng số tiền phí làm thẻ là 138.960.000 đồng của 09 bị hại gồm: Chị Nguyễn Thị Hương, bà Nguyễn Thị D, chị Phạm Thị Hòa Tích, chị Trần Thị M, bà Hoàng Thị O, chị Trần Thị Đ, chị Phùng Thị N, anh Kiều Tiến S và chị Vũ Thị P thông qua 04 tài khoản ngân hàng do M quản lý. Sau khi nhận được tiền phí làm thẻ của các bị hại, M đều chuyển lại toàn bộ số tiền trên cho Q. M không được hưởng lợi gì khi giúp Q mở tài khoản và đứng ra giới thiệu, nhận hộ Q tiền phí làm thẻ. Khi biết Q không làm được thẻ vay tiêu dùng, M đã trả lại cho chị Phương số tiền 1.500.000 đồng, chị Tích số tiền 8.000.000 đồng và bà Oanh số tiền 20.000.000 triệu đồng. Xác minh 04 tài khoản ngân hàng do Phạm Thị M sử dụng gồm: số 0491000085704 mở tại ngân hàng Vietcombank, số 14162946 mở tại ngân hàng ACB, số 19029901361028 và số 19029901361036 mở tại Ngân hàng Techcombank. Trong thời gian từ tháng 02/2020 đến 10/2020, có 357 giao dịch chuyển đến 04 tài khoản trên với tổng số tiền là 1.399.227.500 đồng. Quá trình điều tra đến nay, do chưa xác định được hết thông tin về chủ tài khoản, nguồn gốc số tiền chuyển đến nên chưa đủ căn cứ kết luận Phạm Thị M đồng phạm với Q về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã ra quyết định tách vụ án hình sự liên quan đến hành vi của Phạm Thị M để tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

Đối với các tài khoản mà Lê Tú Q dùng để nhận tiền phí làm thẻ của những người bị hại, qua điều tra xác định chủ đăng ký mở tài khoản là: Nguyễn Đình H (sinh năm 1993; trú tại thôn Hà Vĩ, xã Lê Lợi, huyện Thường Tín, Hà Nội), Mai Tuyết L (sinh năm 1993, trú tại cụm 9, xã Duyên Thái, huyện Thường Tín, Hà Nội; là vợ Q), Bạch Hà P (sinh 1988; trú tại thôn Đồng Danh, xã Phú Thành, huyện Lạc Thủy, Hòa Bình), Đặng Văn Đ (sinh năm 1994; trú tại thôn Khoái Cầu, xã Thắng Lợi, huyện Thường Tín, Hà Nội), Nguyễn Văn Lộc (sinh năm 1989; trú tại xã Q Minh, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh), Tạ Huy Hùng (sinh năm 1990; trú tại thôn Lưu Xá, xã Quất Động, huyện Thường Tín, Hà Nội). Tại

cơ quan điều tra, Nguyễn Đình H, Mai Tuyết L, Bạch Hà P và Đặng Văn Đ khai nhận không biết và không liên quan đến hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Lê Tú Q. Cơ quan điều tra đã xác minh tại xã Q Minh, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh không có ai tên là Nguyễn Văn Lộc. Còn Tạ Huy Hùng hiện vắng mặt tại nơi cư trú. Tài liệu điều tra thu thập chưa đủ căn cứ xác định vai trò đồng phạm của Nguyễn Đình H, Mai Tuyết L, Bạch Hà P, Đặng Văn Đ, Nguyễn Văn Lộc, Tạ Huy Hùng. Hiện do ngân hàng chưa cung cấp hết thông tin về chủ tài khoản liên quan đến việc nhận và chuyển tiền của Lê Tú Q, nguồn gốc số tiền chuyển đến, chuyển đi. Do đó ngày 15/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự để tiếp tục điều tra, làm rõ các đối tượng liên quan và xử lý sau.

Quá trình điều tra vụ án, chị Trần Thị M khai nhận ngoài việc chuyển khoản tiền phí làm thẻ đến tài khoản của Phạm Thị M thì chị Mai còn chuyển khoản đến tài khoản số 39810000806739 mở tại ngân hàng BIDV và tài khoản số 19035985180015 mở tại ngân hàng Techcombank. Qua điều tra xác định chủ đăng ký mở tài khoản là Ninh Văn Bình (sinh năm 2000; trú tại xóm Góc Cọ, xã Túc Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên). Tại Cơ quan điều tra, Bình khai: Khoảng tháng 6/2020, Bình có mở 02 tài khoản trên để cho đối tượng Phạm Công Luân (hiện không xác định) thuê sử dụng, thời hạn 03 tháng, giá 500.000 đồng/01 tài khoản. Sau khi hết hạn thuê, Bình đã hủy tài khoản trên, không quản lý và sử dụng số tài khoản trên. Bình khai không có quan hệ, không quen biết với Lê Tú Q và Nguyễn Đình H để nhận hộ tiền phí làm thẻ. Tại Cơ quan điều tra, hiện Lê Tú Q khai nhận không sử dụng 02 tài khoản trên để nhận tiền phí làm thẻ của những người bị hại. Cơ quan điều tra đã xác minh, xác định trong khoảng thời gian từ tháng 02/2020 đến tháng 03/2021, các số tài khoản mang tên Ninh Văn B không phát sinh giao dịch nhận, chuyển tiền đến các số tài khoản của 31 bị hại đã nêu trên. Hiện tài liệu điều tra thu thập chưa đủ căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ninh Văn B.

Ngoài ra, quá trình điều tra vụ án, bị cáo Lê Tú Q còn khai nhận năm 2020, thông qua mạng xã hội facebook, Q biết và thuê Nguyễn Xuân L để kiểm tra thông tin nợ xấu của những người làm thẻ qua đó tạo lòng tin đối với những người bị hại. Hiện Q khai không rõ địa chỉ cụ thể của Lượng nên Cơ quan điều tra không có căn cứ làm rõ để xử lý.

Quá trình điều tra vụ án, ngày 04/11/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công An đã có Công văn số 2784/TB-CSHS-P8 gửi Báo Công an nhân dân và Truyền hình ANTV để thông báo, xác định những người bị hại khác liên quan đến hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Lê Tú Q. Tuy nhiên, đến nay chưa có thêm bị hại nào khác tố giác hành vi trên của Q với Cơ quan điều tra.

Bản Cáo trạng số 344/CT-VKSHN- P2 ngày 05/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Lê Tú Q tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như bản Cáo trạng đã công bố. Về tội danh và hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b, g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Tú Q từ 12 (Mười hai) năm tù đến 13 (Mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước điện thoại thu giữ của bị cáo Lê Tú Q: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen đã qua sử dụng, số Imei 1 là 866045038509491, số Imei 2 là 866045038509483; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đỏ - tím đã qua sử dụng, có số Imei 1 là 862449042349270, số Imei 2 là 862449042349262.

Tiêu hủy 01 quyển sổ ghi chép A6 màu xanh đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh, số Imei 1 là 354874104561816, số Imei 2 là 354875104561813 đã qua sử dụng thu giữ của Phạm Thị M.

Trả lại 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A025 màu đen đã qua sử dụng, số Imei 352845142302571; 01 căn cước công dân số 001093023801 và 01 thẻ visa ngân hàng MBbank số 4089041050604834 đều mang tên Nguyễn Đình H thu giữ của Nguyễn Đình H.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường, trả lại số tiền đã chiếm đoạt trái pháp luật của các bị hại như Cáo trạng đã quy kết. Tại phiên tòa, bị hại Chu Thị C yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 33.981.000 đồng, bị cáo Lê Tú Q chấp nhận yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của bị cáo và bị hại.

- Bị cáo trình bày: Công nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt với các lý do: quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn.

- Người bào chữa cho bị cáo đồng ý với tội danh và điều khoản truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Hiện tại hoàn cảnh gia đình của bị cáo rất khó khăn, vợ không có việc làm, các con còn nhỏ. Bị cáo mong muốn được bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị hại.

- Các bị hại có mặt tại phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải Y, ông Đinh Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H, bà Cao Thị Kim L, anh Trịnh Văn D, anh Nguyễn Trung C, bà Bùi Thị Kim P, bà Chu Thị C đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định pháp luật và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt. Bị hại Chu Thị C yêu cầu bị cáo Lê Tú Q phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của chị là 33.981.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ 02 lần. Quá trình điều tra và trước khi mở phiên tòa các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có lời khai và đã có ý kiến thể hiện quan điểm. Xét thấy việc vắng mặt của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về tội danh và hình phạt:

- *Về tội danh*: Căn cứ lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa; đối chiếu với lời khai của những người bị hại và những người liên quan; các biên bản xác minh; các biên bản thu giữ tài sản, giấy tờ, tài liệu; các bản kết luận giám định; các tài liệu, chứng cứ chứng minh khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 23/3/2020 đến tháng 3/2021, Lê Tú Q đã dùng thủ đoạn gian dối mạo danh là nhân viên Ngân hàng, có quen nhiều lãnh đạo trong Ngân hàng. Q nói với những người bị hại là có khả năng làm hồ sơ vay vốn, không cần thế chấp, chỉ cần trả 05% giá trị gói vay, Q yêu cầu các bị hại chuyển trước tiền phí làm thẻ. Sau khi nhận được tiền phí làm thẻ từ các bị hại, Q lấy nhiều lý do để kéo dài, trì hoãn việc làm thẻ và tiếp tục đưa ra các thông tin không có thật để yêu cầu bị hại chuyển thêm tiền như đang chờ duyệt, sắp được vay tiền, đặt mua và thuê máy POS để rút tiền, đã chiếm đoạt tổng số tiền là 642.383.000 đồng của 31 bị hại trên địa bàn thành phố Hà Nội và sử dụng chi tiêu cá nhân. Cụ thể: Chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H số tiền là 6.800.000 đồng, của chị Phạm Thị Hoà T số tiền là 15.040.000 đồng, của bà Nguyễn Thị D số tiền là 79.800.000 đồng, của chị Trần Thị M số tiền là 10.600.000 đồng, của anh Kiều Tiến S số tiền là 7.000.000 đồng, của bà Hoàng Thị O số tiền là 34.370.000 đồng, của chị Trần Thị Đ số tiền là 23.000.000 đồng, của chị Phùng Thị N số tiền là 29.862.000 đồng, của chị Vũ Thị P số tiền là 1.500.000 đồng, của bà Vũ Thị Hải Y số tiền là 22.540.000 đồng, của bà Chu Thị C số tiền là 23.981.000 đồng, của

bà Nguyễn Thị Thái H số tiền là 10.800.000 đồng, của bà Bùi Thị Kim P số tiền là 5.950.000 đồng, của chị Ngô Thị N số tiền là 57.480.000 đồng, của bà Lê Thị K số tiền là 13.800.000 đồng, của chị Trần Thị Bích L số tiền là 27.150.000 đồng, của anh Phan Tất T số tiền là 54.950.000 đồng, của bà Nguyễn Thị Thu H số tiền là 12.250.000 đồng, của bà Nguyễn Thị L số tiền là 15.700.000 đồng, của bà Nguyễn Thị K số tiền là 25.000.000 đồng, của ông Đinh Văn V số tiền là 14.800.000 đồng, của ông Hoàng Văn H số tiền là 4.200.000 đồng, của anh Trịnh Văn D số tiền là 5.300.000 đồng, của anh Đinh Công H số tiền là 5.300.000 đồng, của bà Cao Thị Kim L số tiền là 17.000.000 đồng, của chị Phạm Thị T số tiền là 3.500.000 đồng, của anh Hoàng Đình T số tiền là 26.990.000 đồng, của anh Vũ Minh H số tiền là 14.150.000 đồng, của anh Nguyễn Trung C số tiền là 68.000.000 đồng, của anh Lê Chí C số tiền là 1.570.000 đồng và của anh Vũ Sơn D số tiền là 4.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 344/CT-VKSHN- P2 ngày 05/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Lê Tú Q tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung hình phạt “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

- *Về hình phạt:* Bị cáo Lê Tú Q có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội.

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị Tòa án nhân dân quận Đống Đa xử phạt 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/11/2019, chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp “Tái phạm”. Bị cáo thực hiện 31 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản để lấy tiền chi tiêu cá nhân nên thuộc trường hợp “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”. Tình tiết “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” đã bao hàm “Phạm tội từ 02 lần trở lên”, do đó Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm b, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo; sau khi xem xét quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo, ý kiến của những người tham gia tố tụng và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu, chứng cứ thể hiện bị cáo không có thu nhập, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Những người liên quan trong vụ án:

Các tài liệu điều tra thu thập chưa đủ căn cứ xác định vai trò đồng phạm về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người liên quan trong vụ án cùng với bị cáo Lê Tú Q. Hiện do ngân hàng chưa cung cấp hết thông tin về chủ tài khoản liên quan đến việc nhận và chuyển tiền của bị cáo Lê Tú Q, nguồn gốc số tiền chuyển đến, chuyển đi. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự để tiếp tục điều tra, làm rõ các đối tượng liên quan và xử lý sau. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội không truy tố nên Hội đồng xét xử không xem xét, quyết định trong vụ án này.

[4] Về trách nhiệm bồi thường:

Buộc bị cáo Lê Tú Q phải bồi thường số tiền còn chiếm đoạt của các bị hại như Cáo trạng đã quy kết. Tại phiên tòa, bị hại Chu Thị C yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 33.981.000 đồng, bị cáo Lê Tú Q chấp nhận yêu cầu bồi thường, xét thấy việc thỏa thuận là tự nguyện, hợp pháp nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 02 điện thoại đã thu giữ của bị cáo Lê Tú Q sử dụng vào việc phạm tội: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen đã qua sử dụng. 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đỏ - tím đã qua sử dụng.

- Trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan những tài sản, đồ vật đã thu giữ:

+ Trả lại cho chị Phạm Thị M 01 quyển sổ ghi chép A6 màu xanh đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho anh Nguyễn Đình H 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A025 màu đen đã qua sử dụng; 01 căn cước công dân số 001093023801 và 01 thẻ visa ngân hàng MBbank số 4089041050604834 đều mang tên Nguyễn Đình H.

[6] Về án phí: Bị cáo Lê Tú Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền còn chiếm đoạt chưa bồi thường cho các bị hại theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo **Lê Tú Q** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b, h khoản

1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Tú Q 12 (Mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/10/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[2] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại và biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ: Áp dụng các Điều 46, 48 Bộ luật hình sự; Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 5 Điều 275; Điều 357, Điều 468; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Lê Tú Q phải bồi thường số tiền chiếm đoạt của các bị hại: Chị Nguyễn Thị H số tiền là 6.800.000 (Sáu triệu tám trăm nghìn) đồng, chị Phạm Thị Hoà T số tiền là 7.040.000 (Bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị D số tiền là 79.800.000 (Bảy mươi chín triệu tám trăm nghìn) đồng, chị Trần Thị M số tiền là 10.600.000 (Mười triệu sáu trăm nghìn) đồng, anh Kiều Tiến S số tiền là 7.000.000 (Bảy triệu) đồng, bà Hoàng Thị O số tiền là 14.370.000 (Mười bốn triệu ba trăm bảy mươi nghìn) đồng, chị Trần Thị Đ số tiền là 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng, chị Phùng Thị N số tiền là 29.862.000 (Hai mươi chín triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn) đồng, bà Vũ Thị Hải Y số tiền là 22.540.000 (Hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng, bà Chu Thị C số tiền là 33.981.000 (Ba mươi ba triệu chín trăm tám mươi một nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Thái H số tiền là 10.800.000 (Mười triệu tám trăm nghìn) đồng, bà Bùi Thị Kim P số tiền là 5.950.000 (Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng, chị Ngô Thị N số tiền là 57.480.000 (Năm mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng, bà Lê Thị K số tiền là 13.800.000 (Mười ba triệu tám trăm nghìn) đồng, chị Trần Thị Bích L số tiền là 27.150.000 (Hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng, anh Phan Tất T số tiền là 54.950.000 (Năm mươi tư triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Thu H số tiền là 12.250.000 (Mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị L số tiền là 15.700.000 (Mười lăm triệu bảy trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị K số tiền là 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng, ông Đinh Văn V số tiền là 14.800.000 (Mười bốn triệu tám trăm nghìn) đồng, ông Hoàng Văn H số tiền là 4.200.000 (Bốn triệu hai trăm nghìn) đồng, anh Trịnh Văn D số tiền là 5.300.000 (Năm triệu ba trăm nghìn) đồng, anh Đinh Công H số tiền là 5.300.000 (Năm triệu ba trăm nghìn) đồng, bà Cao Thị Kim L số tiền là 17.000.000 (Mười bảy triệu) đồng, chị Phạm Thị T số tiền là 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng, anh Hoàng Đình T số tiền là 26.990.000 (Hai mươi sáu triệu chín trăm chín mươi nghìn) đồng, anh Vũ Minh H số tiền là 14.150.000 (Mười bốn triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng, anh Nguyễn Trung C số tiền là 68.000.000 (Sáu mươi tám triệu) đồng, anh Lê Chí C số tiền là 1.570.000 (Một triệu năm trăm bảy mươi nghìn) đồng và anh Vũ Sơn D số tiền là 4.000.000 (Bốn triệu) đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

[3] Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước điện thoại thu giữ của bị cáo Lê Tú Q: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen đã qua sử dụng, số Imei 1 là 866045038509491, số Imei 2 là 866045038509483; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đỏ - tím đã qua sử dụng, có số Imei 1 là 862449042349270, số Imei 2 là 862449042349262.

- Trả lại cho chị Phạm Thị M 01 quyển sổ ghi chép A6 màu xanh đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh, số Imei 1 là 354874104561816, số Imei 2 là 354875104561813 đã qua sử dụng.

- Trả lại cho anh Nguyễn Đình H 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A025 màu đen đã qua sử dụng, số Imei 352845142302571; 01 căn cước công dân số 001093023801 và 01 thẻ visa ngân hàng MBbank số 4089041050604834 đều mang tên Nguyễn Đình H.

Tình trạng vật chứng như Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/9/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội và Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội tại Kho vật chứng Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lê Tú Q phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 28.915.000 (Hai mươi tám triệu, chín trăm mười lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, án xử công khai bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- CQTHAHS TP Hà Nội;
- CQTHADS TP Hà Nội;
- Trại tạm giam số 1;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại; Người có QLVN liên quan;
- Lưu VT, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Hiếu